

HUYỆN SƠN ĐỘNG

BẢNG 2- BẢNG GIÁ ĐẤT Ở THỊ TRẤN VÀ VEN TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG QUỐC LỘ, TỈNH LỘ, KHU CÔNG NGHIỆP, KHU DU LỊCH

Đơn vị tính : 1.000đ/m²

TT	TÊN ĐƯỜNG, ĐOẠN ĐƯỜNG	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
I.	THỊ TRẤN AN CHÂU				
1	Đường quốc lộ 31				
-	Đoạn từ ngã tư đến cầu Cại	4.000	2.500	900	600
-	Đoạn từ ngã tư đến hết đất Bưu điện	4.000	2.500	900	600
-	Đoạn còn lại	2.500	1.300	700	400
2	Đường quốc lộ 279				
-	Đoạn từ ngã tư đến hết đất Trung tâm bồi dưỡng chính trị	3.500	2.000	900	600
-	Đoạn còn lại	2.500	1.200	700	400
3	Đường quốc lộ 279 cũ đi cầu Ngâm				
-	Đoạn từ ngã tư đến cầu Cuối	3.000	1.400	800	500
-	Đoạn còn lại	1.100	700	400	200
4	Đường 13b cũ				
-	Đoạn từ cầu cuối đến hết đất Ao giang.	400	250	150	110
5	Đoạn phố mới khu 3	2.500	1.500	700	300
6	Các đoạn đường nhánh thị trấn				
-	Đoạn từ QL31 đến Trường phổ thông Dân tộc nội trú.	1.500	900	600	400
-	Đoạn từ QL31 đến Trường PTTH số 1 Sơn Động.	700	500	300	250
-	Đoạn từ QL31 đến Trường THCS thị trấn An Châu	1.500	700	500	400
-	Đoạn từ QL31 đến trạm BVTV cũ	700	500	300	250
-	Đoạn từ QL31 vào khu 6 (0,5 Km).	700	500	300	150
-	Đường xóm cây Gạo (Khu 2)	600	400	300	150
-	Đường bê tông phố cũ (Khu 1)	600	400	250	130
-	Khu dân cư chợ mới Thị trấn An Châu	2.000	1.500	800	500
-	Đường Công chính Chợ mới thuộc đất khu dân cư chợ mới (từ ngã tư vào sang hai bên đường mỗi bên 25m)	4.000	2.500	900	600
7	Các đoạn đường, khu phố còn lại trong Thị trấn	350	200	150	100
II.	THỊ TRẤN THANH SƠN				
1	Các đoạn đường, khu phố trong thị trấn				

-	Đoạn từ ngã tư Thị trấn đến cống Đồng Áo.	1.000	800	500	350
-	Đoạn từ ngã tư thị trấn đi Thanh Luận đến hết đất nhà ông Nguyễn Văn Đăng.	1.000	800	500	350
-	Đoạn từ ngã tư thị trấn đi Đồng Rì đến hết đất nhà ông Hoàng Kim Thái.	1.000	800	500	350
-	Đoạn từ ngã tư thị trấn đi Mai Suu đến hết đất nhà ông Gọn.	1.000	800	500	350
-	Đoạn từ UBND Thị trấn mới đến hết đất Bưu điện văn hóa Thị trấn.	1.000	800	500	350
-	Đoạn từ cống Đồng Áo đến ngầm Thác Vọt.	800	550	400	250
-	Đoạn từ UBND Thị trấn mới đến ngầm Thác Vọt.	800	550	400	250
-	Đoạn từ UBND Thị trấn mới đến hết đất nhà ông Hà Văn Thành.	800	550	400	250
-	Đoạn từ nhà ông Hoàng Kim Thái đến đập nước số 2 của nhà máy nhiệt điện.	800	550	400	250
-	Đoạn từ nhà ông Nguyễn Văn Đăng đến ngầm Đồng Thanh.	800	550	400	250
-	Đoạn từ nhà ông Gọn đến hết trường Trung học PT Sơn Động.	800	550	400	250
-	Đoạn từ công nhà máy Nhiệt điện trở ra 1km, vào 1km (theo đường giao thông chính);	600	400	280	180
-	Đoạn từ công chợ đến hết đất nhà bà Vi Thị Quyên.	450	300	250	150
-	Đoạn từ nhà bà Bàn Thị Minh đến hết đất nhà ông Hoàng Văn Châu.	450	300	250	150
-	Đoạn từ nhà bà Na đi trò cắm đến hết đất nhà ông Đào Văn Định.	450	300	250	150
-	Đoạn từ nhà ông Đỗ Văn Trọng đến hết đất nhà ông Thân Văn Chuyên.	400	250	150	100
2	Các đoạn đường, khu phố còn lại trong thị trấn.	300	200	130	90
III.	ĐẤT VEN TRỤC ĐƯỜNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG (QUỐC LỘ, TỈNH LỘ), KHU CÔNG NGHIỆP, KHU DU LỊCH				
1	Xã An Châu:				
-	Đoạn QL31 từ Bưu điện huyện đến hết đất Bệnh viện đa khoa Sơn Động.	3.000	1.500	900	300
-	Đoạn QL31 từ hết đất BV Đa khoa Sơn Động đến hết đất Bến xe mới.	2.000	1.000	500	200
-	Đoạn QL31 từ hết đất Bến xe mới đến hết đất Chi nhánh điện	1.500	800	300	200
-	Đoạn QL31 từ hết đất Chi nhánh điện đến đường đi vào cầu Kiều.	1.000	600	300	200
-	Đoạn QL31 từ đường đi vào cầu Kiều đến hết thôn Lốt.	800	400	200	100
-	Đoạn từ QL31 đến đất Chi cục thuế.	2.500	1.500	700	300
-	Đoạn QL279 từ nhà ông Hải đến cầu cứng An Châu.	1.500	900	700	300
-	Đoạn đường từ QL31 (đường bệnh viện) đến QL279.	500	300	200	100
-	Đoạn đường từ QL31 đi cầu Kiều đến QL279.	500	300	200	100
-	Đoạn đường từ QL31 nhà ông Tài đến đất nhà ông Hồ Hải.	500	300	200	100
-	Đoạn đường từ đất Chi cục thuế đến hết thôn Phe.	500	300	200	100

2. Xã Yên Định				
- Đoạn QL31 từ ngã ba Đồng Chu đến cổng Trường THCS xã Yên Định (đường đi Thanh Sơn)	500	350	250	100
- Đoạn QL31 từ chân đèo Vá xã Yên Định đến đường vào cổng làng Nhân Định	600	400	300	100
3. Xã Long Sơn:				
- Đoạn QL 279 từ Cầu Bang đến hết đất Bưu điện văn hóa xã	800	500	200	150
Đoạn QL 279 từ bưu điện văn hóa Xã đến đường rẽ đi thôn Điệu	600	300	200	150
Đoạn QL 279 từ cầu Sông Bè đến Cầu Bang	600	300	200	150
Đoạn QL 279 từ đường rẽ đi thôn Điệu đến chân đèo Hạ Mi	200	150	100	70
4. Xã Cẩm Đàn:				
- Đoạn QL 31 từ giáp đất xã Yên Định đến cổng Trường cấp II Cẩm Đàn	350	250	100	70
- Đoạn QL31 từ cổng Trường cấp II đến trạm Kiểm lâm Cẩm Đàn	700	400	250	150
5. Xã Tuấn Đạo (Đường đi Thanh Luận):				
- Đoạn từ đất nhà ông Sứ bãi chợ đến hết đất nhà ông Lâm thôn Chùa.	450	300	150	100
- Đoạn từ đất nhà ông Lâm thôn Chùa đến hết đất nhà bà Lương thôn Lâm Tuấn	300	200	100	70
- Đoạn từ đất nhà ông Sứ - đến hết đất nhà bà Oanh(Thảo) thôn Ram	300	200	100	70
- Đoạn từ nhà ông Thuận thôn Bãi chợ đến hết đất ông Quế thôn Bãi chợ	300	200	100	70
- Đoạn từ nhà bà Lương thôn Lâm Tuấn đến hết đất nhà ông Nhung giáp xã Tuấn Mậu.	200	150	100	70
- Đoạn từ nhà bà Oanh thôn Đồng Ram đến ngàm Lán chè xã Yên Định	200	150	100	70
6. Xã Dương Hưu:				
- Đoạn đường QL 279 từ Xưởng giấy đến cầu Sông Bè.	250	150	100	70
- Đoạn từ trường Tiểu học đến Trạm bơm thôn Thoi	200	130	100	70
7. Xã An Bá:				
- Đoạn đường QL31 từ giáp đất xã An Châu đến chân Đèo vá	550	350	150	80
8. Xã An Lập:				
- Đoạn QL31 từ giáp đất Thị trấn An Châu đến hết nhà ông Chiêu thôn Mạn	700	300	150	80
- Đoạn QL31 từ nhà ông Chiêu đến cầu nhà mộ thôn Mạn.	400	200	100	70
- Đoạn QL31 từ cầu nhà mộ đến giáp đất xã Lệ Viễn;	350	200	100	70
- Đoạn QL 279 từ giáp cầu ngàm TT An Châu đến hết nhà ông Báu thôn Chao.	350	200	100	70

-	Đoạn từ QL 31 thôn Chèo đến nhà ông Hồng thôn Mật	250	150	90	70
-	Đường 13B cũ từ đất thị trấn An Châu đến hết nhà ông Sơn thôn Làng	200	150	100	70
-	Đoạn từ đất nhà ông Sơn thôn Làng đến hết nhà ông Đước thôn Mặn	170	110	90	70
9. Xã Vĩnh Khương:					
-	Đoạn đường QL 31 từ cầu cụt đến dốc đá.	210	170	100	70
10. Xã Lệ Viễn					
-	Đoạn đường QL 31 từ giáp xã An Lập đến đỉnh dốc Bãi Đá	300	180	110	80
-	Đoạn đường QL 31 từ cầu Cụt đến giáp đất xã Vân Sơn	200	150	100	70
11. Xã Vân Sơn:					
-	Đoạn đường QL 31 từ Nhà ông Tuấn đến hết Nhà Văn hóa xã	450	300	150	90
-	Đoạn đường QL 31 từ Nhà Văn hóa xã đến hết nhà Bà Tính	350	250	120	80
-	Đoạn đường QL 31 từ Nhà bà Tính đến giáp đất xã Lệ Viễn	250	150	100	70
-	Đoạn đường QL 31 từ Nhà ông Chiến đến đất giáp xã Hữu Sản	200	150	100	70
-	Đoạn từ ngã 3 Vân Sơn đến hết nhà ông Khánh (đường Phe Khả)	300	250	200	150
-	Đoạn từ nhà ông Khánh đến hết quán bà Sinh	200	150	100	80
-	Đoạn từ Quán bà Sinh đến hết nhà ông Thơm thôn Phe	150	110	90	70
12. Xã Hữu Sản:					
-	Đoạn đường QL 31 từ Lâm trường đến hết nhà ông Cảnh	200	150	100	80
-	Đoạn đường QL 31 từ km 94 đến hết nhà ông Bắc.	200	150	100	80
-	Đoạn đường QL 31 từ Lâm trường đến giáp đất xã Vân Sơn;	150	110	90	70
-	Đoạn đường QL 31 từ nhà ông Cảnh đến km 94;	150	110	90	70
-	Đoạn từ QL 31 đến lán vải ông Sơn thôn Sản I.	150	110	90	70
-	Đoạn đường QL 31 từ nhà ông Bắc đến giáp đất Lạng Sơn;	130	100	80	70
-	Đoạn từ QL 31 đến nhà ông Hà thôn Sản II;	130	100	80	70
-	Đoạn từ QL 31 đến ngầm Khe péc thôn Dàn III	130	100	80	70
13. Xã Thanh Luận:					
-	Đoạn từ ngã ba trung tâm xã đến hết nhà ông Ngô Văn Thiệu	280	180	130	100
-	Đoạn từ ngã ba trung tâm xã đến cổng trà nhà ông Phạm Văn Đường;	280	220	180	150
-	Đoạn từ ngã ba trung tâm xã đến hết nhà ông Vũ Văn Lâm	280	220	180	150
-	Đoạn từ nhà ông Phạm Văn Đường đến giáp đất thị trấn Thanh Sơn.	250	180	120	80
-	Đoạn từ ngã ba nhà ông Ngô Văn Thiệu đến khu trạm Đồng Rát	150	130	100	80

BẢNG 3- BẢNG GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT, KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP Ở THỊ TRẤN VÀ VEN TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG QUỐC LỘ, TỈNH LỘ, KHU CÔNG NGHIỆP, KHU DU LỊCH

Đơn vị tính : 1.000đ/m²

TT	TÊN ĐƯỜNG, ĐOẠN ĐƯỜNG	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
I.	THỊ TRẤN AN CHÂU				
1.	Đường quốc lộ 31				
-	Đoạn từ ngã tư đến cầu Cại	2.800	1.700	700	400
-	Đoạn từ ngã tư đến hết đất Bưu điện.	2.800	1.700	700	400
-	Đoạn còn lại	1.700	900	500	300
2	Đường quốc lộ 279				
-	Đoạn từ ngã tư đến hết đất TT bồi dưỡng chính trị huyện	2.100	1.100	650	400
-	Đoạn còn lại	1.700	850	500	300
3	Đường quốc lộ 279 cũ đi cầu Ngâm				
-	Đoạn từ ngã tư đến cầu Cuối	2.100	1.000		
-	Đoạn còn lại	750	250		
4	Đường 13b cũ				
-	Đoạn từ cầu cuối đến hết đất Ao giang.	200	150	90	
5	Đường phố mới khu 3	1.700	1.000	500	200
6	Các đường nhánh trong thị trấn				
-	Đoạn từ QL31 đến Trường phổ thông dân tộc nội trú.	1.100	650		
-	Đoạn từ QL31 đến Trường THCS Thị trấn An Châu	1.100	500		
-	Đoạn từ QL31 đến Trường PTTT số 1 Sơn Động	500	350		
-	Đoạn từ QL31 đến trạm BVTV cũ	500	350		
-	Đoạn từ QL31 đến khu 6 (vào 0,5 km).	500	350	210	
-	Đường xóm cây Gạo khu 2	450	300		
-	Đường bê tông phố cũ khu I	450	300		
-	Đường trong khu dân cư chợ mới Thị trấn An Châu	1.400			
-	Đường Công chính Chợ mới thuộc đất khu dân cư chợ mới (từ ngã tư vào sang hai bên đường mỗi bên 25m)	2.800			
7	Các đoạn đường khu phố còn lại trong thị trấn	240	170		
II.	THỊ TRẤN THANH SƠN				
1	Các đoạn đường, khu phố trong thị trấn				
-	Đoạn từ ngã tư Thị trấn đến cổng Đồng Áo	600	450	300	200

-	Đoạn từ ngã tư thị trấn đi Thanh Luận đến hết nhà ông Nguyễn Văn Đăng	600	450	300	200
-	Đoạn từ ngã tư thị trấn đi Đồng Rì đến hết nhà ông Hoàng Kim Thái	600	450	300	200
-	Đoạn từ ngã tư đi Mai Sưu đến hết nhà ông Gọn	600	450	300	200
-	Đoạn từ UBND thị trấn mới đến hết Bưu điện văn hóa Thị trấn.	600	450	300	200
-	Đoạn từ cổng Đổng Áo đến ngầm Thác Vọt	500	300	200	100
-	Đoạn từ trụ sở UBND Thị trấn mới đến ngầm Thác Vọt	500	300	200	100
-	Đoạn từ trụ sở UBND Thị trấn mới đến hết nhà ông Hà Văn Thành	500	300	200	100
-	Đoạn từ nhà ông Hoàng Kim Thái đến đập nước số 2 nhà máy nhiệt điện	500	300	200	100
-	Đoạn từ nhà ông Nguyễn Văn Đăng đến ngầm Đồng Thanh	500	300	200	100
-	Đoạn từ nhà ông Gọn đến hết đất trường THPT Sơn Động.	500	300	200	100
-	Đoạn từ cổng nhà máy Nhiệt điện Sơn Động trở ra 1km, vào 1km (theo đường giao thông chính)	450	300	150	100
-	Đoạn từ công chợ đến hết nhà Bà Vi Thị Quyên	350	210	150	70
-	Đoạn từ nhà bà Bàn Thị Minh đến hết nhà ông Hoàng Văn Châu	350	210	150	70
-	Đoạn từ nhà bà Na đi trò cá đến hết nhà ông Đào Văn Định.	350	210	150	70
-	Đoạn từ nhà ông Đỗ Văn Trọng đến hết nhà ông Thân Văn Chuyên.	210	170	100	
2	Các đoạn đường, khu phố còn lại trong thị trấn.	110	70		
III.	ĐẤT VEN TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG QUỐC LỘ, TỈNH LỘ, KHU CÔNG NGHIỆP, KHU DU LỊCH				
1	Xã An Châu:				
-	Đoạn QL31 từ Bưu điện đến hết đất Bệnh viện Đa khoa Sơn Động	1.400	770		
-	Đoạn từ Bệnh viện Đa khoa Sơn Động đến hết đất Bến xe mới	1.100	450	210	
-	Đoạn từ Bến xe mới đến hết đất Chi nhánh điện	700	450	210	
-	Đoạn từ Chi nhánh điện đến đường đi vào cầu Kiêu	560	350	210	
-	Đoạn từ đường đi vào cầu Kiêu đến hết thôn Lốt	420	280	140	
-	Đoạn từ đất nhà ông Hải đến cầu cứng An Châu	1.100	560	210	
-	Đoạn từ QL31 đến đất Chi cục Thuế	1.100	560	210	
-	Đoạn từ QL31 (đường Bệnh viện) đến QL279	350	210	140	
-	Đoạn từ QL31 nhà ông Tài đến đất nhà ông Hồ Hải	350	210	140	
-	Đoạn từ hết đất Chi cục Thuế đến hết thôn Phe	350	210	140	
-	Đoạn từ QL31 đi cầu Kiêu đến QL279.	350	210	140	
2	Xã Yên Định				

-	Đoạn QL31 từ ngã ba Đồng Chu đến cổng Trường THCS xã Yên Định (đường đi Thanh Sơn)	350	250	170	
-	Đoạn QL31 từ chân đèo Vá xã Yên Định đến đường vào cổng làng Nhân Định	420	280	210	70
3	Xã Long Sơn QL 279:				
-	Đoạn từ cầu Bang đến hết Bru Điện văn hoá xã	450	240	100	
-	Đoạn từ cầu sông Bè đến Cầu Bang	300	150	70	
-	Đoạn từ Bru điện văn hoá xã đến đường rẽ đi thôn Diệu	300	150	70	
4	Xã Cẩm Đàn đường QL 31:				
-	Đoạn từ giáp đất xã Yên định đến đường vào trường cấp II	250	150	70	
-	Đoạn từ đường vào Trường cấp II đến trạm Kiểm lâm Cẩm Đàn	350	250	70	
5	Xã Tuấn Đạo (Đường đi Thanh Luận):				
-	Đoạn từ đất nhà ông Sử đến hết đất nhà ông Lâm thôn Chùa.	350	210	100	70
-	Đoạn từ đất nhà ông Khoa thôn Chùa đến hết đất nhà bà Lương thôn Lâm Tuấn	210	140	90	
-	Đoạn từ đất nhà ông Sử đến hết đất nhà bà Oanh (Thảo) thôn Ram	210	140	90	
-	Đoạn từ đất nhà ông Thuận (Bãi chợ) đến hết đất nhà ông Qué.	210	140	90	
6	Xã Dương Hưu:				
-	Đoạn đường 279 từ Xưởng giấy đến cầu Sông Bè.	170	100		
-	Đoạn từ Trường Tiểu học đến Trạm bơm thôn Thoi	140	70		
7	Xã An Bá: Đoạn từ giáp đất xã An Châu đến Chân Đèo Vá	350	250	170	100
8	Xã An Lập:				
-	Đoạn từ giáp đất Thị trấn An Châu đến cầu nhà mộ thôn Mạn	420	250	170	100
-	Đoạn từ Cầu nhà mộ đến giáp đất xã Lệ Viễn	210	140	100	
-	Đường 13B cũ từ giáp đất Thị trấn An Châu đến hết nhà ông Sơn thôn Làng	140	100	70	
-	Đoạn từ đất nhà ông Sơn thôn Làng đến hết nhà ông Được thôn Mạn	100	70		
-	Đoạn từ nhà ông Được đến giáp đất xã Lệ Viễn	80	60		
-	Đoạn QL279 từ giáp cầu ngầm An Châu đến hết nhà ông Báu thôn Chao	210	140	70	
9	Xã Vĩnh Khương: Đoạn từ cầu Cụt đến Dốc Đá	130	110	90	
10	Xã Lệ Viễn				
-	Đoạn từ giáp đất xã An Lập đến đỉnh dốc Bãi Đá	210	110	70	
-	Đoạn từ cầu Cụt đến giáp đất xã Vân Sơn	140	100	70	
11	Xã Vân Sơn:				

-	Đoạn từ Nhà ông Tuấn đến hết Nhà văn hóa xã	320	250	150	
-	Đoạn từ Nhà văn hóa đến hết nhà Bà Tính	250	170	100	
-	Đoạn từ Nhà bà Tính đến giáp đất xã Lệ Viễn	170	100	70	
-	Đoạn từ nhà ông Chiến đến giáp đất xã Hữu Sản	140	100	70	
-	Đoạn từ Ngã ba Vân Sơn đến hết nhà ông Khánh (đường Phe Khả)	210	170	140	
-	Đoạn từ nhà ông Khánh đến hết quán bà Sinh	140	100	70	
-	Đoạn từ Quán bà Sinh đến hết nhà ông Thơm	100	70		
12	Xã Hữu Sản:				
-	Đoạn QL 31 từ Lâm trường đến hết nhà ông Cảnh	140	100	70	
-	Đoạn QL 31 từ km 94 đến hết nhà ông Bắc	140	100	70	
-	Đoạn QL 31 từ Lâm trường đến giáp đất xã Vân Sơn.	80	70		
-	Đoạn QL31 từ nhà ông cảnh đến km 94.	80	70		
-	Đoạn QL31 từ nhà ông Bắc đến giáp đất huyện Đình lập, tỉnh Lạng Sơn	70			
-	Đoạn từ QL 31 đến lán vải ông Sơn, thôn Sản I	80	70		
-	Đoạn từ QL 31 đến hết nhà ông Hà, thôn Sản II	80	70		
-	Đoạn từ QL 31 đến khe Péc, thôn Dân III.	80	70		

BẢNG 4 - BẢNG GIÁ ĐẤT Ở NÔNG THÔN

Đơn vị tính : 1.000đ/m²

TT	Loại xã, nhóm xã	Khu vực 1				Khu vực 2				Khu vực 3			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
	Xã Miền núi												
1.	Xã nhóm A	480	320	280	170	300	250	150	100	250	150	100	90
2.	Xã nhóm B	350	250	150	100	250	150	100	90	150	100	90	80
3.	Xã nhóm C	270	150	100	90	150	100	90	80	120	90	80	70
4.	Xã nhóm D	160	110	90	80	100	90	80	70	100	80	70	60

BẢNG 5 - BẢNG GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT, KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP Ở NÔNG THÔN

Đơn vị tính : 1.000đ/m²

TT	Loại xã,	Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3
----	----------	-----------	-----------	-----------

	nhóm xã	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
I.	Xã Miền núi												
1.	Xã nhóm A	330	225	195	120	210	180	110	90	180	110	70	
2.	Xã nhóm B	250	180	110	90	180	110	90	70	105	80	60	
3.	Xã nhóm C	190	110	90	70	105	90	70		90	60		
4.	Xã nhóm D	110	90	70	60	90	70	60		70			

Phân loại nhóm xã như sau:

*** Thuộc xã miền núi:**

- Xã nhóm A: An Châu, An Lập, Yên Định, Tuấn Đạo, Cẩm Đàn, Long Sơn, Vân Sơn.
- Xã nhóm B: An Bá, Lệ Viễn, Quế Sơn.
- Xã nhóm C: Dương Hữu, Vĩnh Khương, Thanh Luận, Chiên Sơn, Giáo Liêm, Hữu Sản, Tuấn Mậu.
- Xã nhóm D: An Lạc, Bồng Am, Thạch Sơn, Phúc Thắng.